

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2018/DS-ST
Ngày 12 - 11 - 2018
V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Khuyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 225/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 352/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1961; cư trú tại: Ấp NC, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Đoàn Thị D; cư trú tại: Ấp NC, xã NC, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị N trình bày:

Trước đây, bà làm chủ hội có mở các dây hội cho các hội viên tham gia chơi, trong đó bà Đoàn Thị D có tham gia chơi 01 chung trong dây hội 300.000đ, cụ thể: Hội mở ngày 30/01/2017 1l, loại hội 300.000đ, nửa tháng khai 01 lần, dây hội gồm 42 chung, bà D tham gia 01 chung. Dây hội này bà D hốt vào kỳ thứ nhất với số tiền là 9.348.000đ (đã trừ 200.000đ tiền cò). Sau khi hốt bà D đóng hội chết được 20 kỳ thì

ngưng không đóng nữa. Số tiền bà D còn nợ chưa đóng là 22 kỳ x 300.000đ = 6.600.000đ.

Sau khi bà D không đóng hội thì bà nhiều lần đến nhà yêu cầu bà D đóng tiền hội, nhưng bà D hẹn hết lần này đến lần khác để cố tình không đóng tiền hội cho bà. Nay bà yêu cầu bà D trả cho bà số tiền hội còn nợ là 6.600.000đ.

Tại phiên tòa: Bà N giữ nguyên yêu cầu tại đơn khởi kiện, không có yêu cầu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Vụ kiện giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, bị đơn bà Đoàn Thị D là vụ kiện tranh chấp hội, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Đoàn Thị D, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bà D vắng mặt không phải vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà D.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc bà D có tham gia chơi 01 chung hội trong dây hội 300.000đ do bà N làm chủ hội mở ngày 30/01/2017 là thực tế có xảy ra.

Xét thấy: Bà N là chủ hội với tư cách người bảo lãnh cho các hội viên trong dây hội nên được hưởng tiền hoa hồng, còn bà D là hội viên tham gia trong dây hội. Trong quá trình chơi hội, bà D đã hốt hội, nhưng không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng hội chết với bà N. Trong khi bà N phải thực hiện thay nghĩa vụ của bà D đối với các hội viên khác. Do bà N (chủ hội) đã thực hiện nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền hội của bà D cho các hội viên khác với vai trò của người bảo lãnh nên bà D (hội viên) phải hoàn trả số tiền mà bà N đã đóng cho các hội viên khác là có căn cứ.

Mặt khác, theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ phù hợp với lời trình bày và yêu cầu của bà N. Còn đối với bà D không có ý kiến về nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà N. Như vậy, nội dung và yêu cầu khởi kiện của bà N thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ nên được chấp nhận, buộc bà D phải có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền 6.600.000đ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể: $6.600.000đ \times 5\% = 330.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227 ; Điều 5; Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Đoàn Thị D phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 6.600.000 đồng (sáu triệu sáu trăm ngàn đồng).

2. Kể từ ngày bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Đoàn Thị D chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bà D còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà N 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0010218 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

- Bà Đoàn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 330.000đ đồng (ba trăm ba mươi ngàn đồng).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Minh Thịnh